

Số: 52/KH-THCSTTTH

Thị trấn Tân Hiệp, ngày 01 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH
Công khai trong hoạt động của trường THCS Thị trấn Tân Hiệp
Năm học 2024-2025

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 V/v: Công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân, năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ công Kế hoạch số 274/KH-PGDĐT ngày 10 tháng 9 năm 2024 Hoạt động chuyên môn bậc THCS năm học 2024-2025 của phòng giáo dục và đào tạo Tân Hiệp;

Căn cứ kế hoạch hoạt động giáo dục của trường THCS thị trấn Tân Hiệp năm học 2024-2025, nay trường THCS thị trấn Tân Hiệp xây dựng kế hoạch thực hiện quy chế công khai các hoạt động của trường năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá các cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Trường trong quản lý nguồn lực và bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu chi tài chính của Trường.

II. NỘI DUNG CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1.1. Tên trường: Trường THCS Thị trấn Tân Hiệp.

1.2. Địa chỉ:

- Số 891 tổ 1 khu phố B Thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Điện thoại: 0927 834523

- Địa chỉ email: c2thitranh.kiengiang@moet.edu.vn

- Trang thông tin điện tử: <http://c2thitran.tanhiep.edu.vn/>

1.3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường công lập

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

*** SỨ MỆNH**

Trường THCS thị trấn Tân Hiệp luôn luôn cập nhật, đổi mới và áp dụng những phương pháp sư phạm tiên tiến trong môi trường sáng tạo, thử thách, khơi nguồn và nuôi

dưỡng niềm say mê học tập lâu dài của học sinh nhằm giúp các em phát huy tối đa tiềm năng của mình.

Tạo dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kỷ cương, chăm sóc để phát huy năng lực, phẩm chất riêng của từng cá nhân học sinh.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình trường phù hợp vùng nông thôn mới tiếp cận kịp thời giáo dục hiện đại phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

*** TÂM NHÌN**

Trường THCS Thị trấn Tân Hiệp hướng tới trở thành một trường đầu tiên trong giáo dục chất lượng cao, là nơi hội tụ của các phương pháp sư phạm tiên tiến và môi trường học sáng tạo, giúp học sinh không chỉ đạt được kiến thức nền tảng mà còn nuôi dưỡng đam mê, khám phá và phát huy tối đa tiềm năng cá nhân. Với định hướng phát triển bền vững và hiện đại, nhà trường xây dựng một môi trường giáo dục lành mạnh, có tính kỷ luật, nơi mỗi học sinh được quan tâm và phát triển toàn diện về năng lực và sản phẩm chất đến năm 2030.

Trong tương lai, Trường THCS Thị trấn Tân Hiệp phấn đấu trở thành mô hình về giáo dục ở khu vực nông thôn, đáp ứng tiêu chuẩn của một xã hội phát triển và sẵn sàng thích nghi với những đổi mới trong thời đại công nghệ. Nhà trường sẽ là nơi học sinh được chuẩn bị kỹ năng và kiến thức để hòa nhập và tranh luận trong một thế giới ngày càng cao

*** MỤC TIÊU**

Thực hiện nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đổi mới giáo dục trung học cơ sở; Bảo đảm trường học an toàn và nâng cao chất lượng giáo dục; Thực hiện tốt quyền tự chủ nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục dựa trên khung chương trình giáo dục 35 tuần của Bộ giáo dục và đào tạo; Và khung thời gian năm học UBND tỉnh Kiên Giang; Thực hiện tốt theo chỉ đạo của sở giáo dục và đào tạo Kiên Giang và của Phòng giáo dục và đào tạo Tân Hiệp.

Xây dựng đội ngũ có năng lực chuyên môn vững vàng, có tư tưởng chính trị đạo đức lối sống lành mạnh, tâm huyết với nghề. Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên, giúp giáo viên hòa nhập tốt với việc giảng dạy trực tuyến hay trực tiếp một cách thuận lợi dễ dàng.

Nâng cao chất lượng dạy học, quan tâm giáo dục toàn diện cho học sinh, Trong công cuộc đổi mới hiện nay lấy “Hoạt động học” làm trung tâm để chỉ đạo giáo viên hướng tới việc soạn giảng phát huy hết tiềm năng sẵn có của học sinh, lấy kết quả về năng lực, phẩm chất của học sinh làm thước đo cho hiệu quả dạy học của nhà trường.

1.5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THCS thị trấn Tân Hiệp được tách ra từ trường Phổ thông cơ sở Thị trấn Tân Hiệp từ năm học 1997-1998 và tọa lạc tại số 997, Khu phố Đông Hưng, Thị trấn Tân Hiệp nay là Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Tân Hiệp. Đến năm học 2016-2017 nhà trường được UBND huyện cho phép di dời trụ sở về số 891, khu phố B, thị trấn Tân Hiệp (Trường THPT Tân Hiệp cũ).

Qua nhiều năm hoạt động Trường luôn luôn có HSG các cấp Huyện, Tỉnh. Các phong trào đoàn đội trường thường xuyên dẫn đầu,.....

Đội ngũ giáo viên có nhiều kinh nghiệm và tâm huyết với nghề. Trong đó có 1 lãnh đạo có trình độ Thạc sĩ. Qua nhiều năm phát triển Trường có nhiều thầy cô là Nhà

giáo Ưu tú, nhiều giáo viên nhận được huân chương vì sự nghiệp giáo dục, nhiều giáo viên đạt được các giải trong các kỳ thi như: Thi GVĐG, Thi GV CN lớp giỏi, Thi KHKT, Thi Bài giảng điện tử, Thi Làm đồ dùng dạy học,.....

1.6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

Họ và tên: Đỗ Đặng Đình Điệp.

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 891 tổ 1 khu phố B Thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Số điện thoại: 0984 125 237

Địa chỉ thư điện tử: diep0984125237@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

2. Thu, chi tài chính

2.1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

Các khoản thu chi phân theo nguồn kinh phí:

* Nguồn ngân sách cấp:

- **Tổng số thu ngân sách cấp năm 2023: 11.871.922.665 đồng**

Trong đó:

+ Nguồn: 12 (nguồn không tự chủ): 311.168.614 đồng

+ Nguồn 13 (Nguồn tự chủ): 10.993.206.066 đồng

+ Nguồn 14 (Nguồn cải cách tiền lương): 567.547.985 đồng

-Tổng số chi trong năm 2023:	11.777.774.534 đồng
Trong đó:	
+ Chi thanh toán cá nhân:	10.389.500.817 đồng
+ Chi nghiệp vụ chuyên môn:	701.167.540 đồng
+ Chi mua sắm sửa chữa:	554.263.848 đồng
+ Chi khác:	132.842.329 đồng
-Tổng số tồn trong năm 2023:	94.148.131 đồng
Trong đó:	
+ Nguồn 12:	14.724.000 đồng
+ Nguồn 13:	57.755.851 đồng
+ Nguồn 14:	21.668.280 đồng
* Nguồn học phí:	
- Tồn học phí đầu năm 2023:	312.732.000 đồng
- Tổng số thu học phí năm 2023:	717.637.200 đồng
- Tổng số được sử dụng trong năm 2023:	1.030.369.200 đồng
- Tổng số chi học phí trong năm 2023:	861.861.200 đồng
Trong đó:	
+ Chi 40% cải cách tiền lương:	437.078.880 đồng
+ Chi nghiệp vụ chuyên môn:	86.410.000 đồng
+ Chi mua sắm sửa chữa:	324.383.296 đồng
+ Chi khác:	13.989.024 đồng
-Tồn học phí năm 2023:	168.508.000 đồng
*Nguồn căn tin và giữ xe:	
- Tồn quỹ căn tin và giữ xe đầu năm 2023:	Không
- Tổng số thu căn tin và giữ xe năm 2023:	175.662.000 đồng
- Tổng số được sử dụng trong năm 2023:	175.662.000 đồng
- Tổng số chi căn tin + giữ xe năm 2023:	107.518.680 đồng
Trong đó:	
+Chi nộp thuế GTGT+TNDN:	12.661.200 đồng
+ Chi mua sắm sửa chữa:	94.857.480 đồng
-Tồn quỹ căn tin +giữ xe năm 2023:	68.143.320 đồng

2.2. Trong năm học 2023 - 2024 nhà trường chỉ thu học phí theo Nghị quyết số 13/2023/NQ -HĐND ngày 13/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang.

2.3. Đơn vị thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ -CP. Nghị định Chính phủ.

2.4. Đơn vị không trích lập quỹ, chỉ chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, giáo viên, người lao động. Tổng số chi thu nhập tăng thêm trong năm 2023 là: 121.000.000đ.

2.5. Các loại quỹ đều công khai tài chính theo hàng tháng trước họp Hội đồng giáo viên.

3. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

3.1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên: 61 (Thiếu 2 giáo viên, 1 nhân viên theo biên chế)

- Chia theo vị trí việc làm như sau:

+ Lãnh đạo: 3

+ Giáo viên: 53

+ Nhân viên: 5

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định; (Theo Thông tư 03)

- 98,3% giáo viên đạt chuẩn (01 GV chưa chuẩn); trên chuẩn 1.61%

- 100% nhân viên đạt chuẩn.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Có 60/60 hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định (đạt 100%).

3.2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Diện tích khu đất của nhà trường 6936.42 m²; Trường THCS Thị trấn chỉ có 1 điểm trường. Năm học 2024-2025, toàn trường có 1068 học sinh, diện tích bình quân là 6.5m²/học sinh, so với yêu cầu tối thiểu đảm bảo theo quy định (các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh)

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Khối phòng hành chính, quản trị gồm: 01 Phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 Phòng giáo viên

- Khối phòng học tập gồm: 15 phòng học, 05 phòng học bộ môn

- Khối phòng hỗ trợ học tập: 01 Phòng Thư viện, 01 Phòng Thiết bị, 01 Phòng truyền thông và Đoàn Đội.

- Khối phụ trợ gồm: Hội trường, Phòng Y tế, nhà kho, khu để xe,...

Nhìn chung nhà trường đảm bảo CSVC so với các yêu cầu tối thiểu theo quy định.

c) Số thiết bị dạy học khối 6 đã phát tương đối đầy đủ với yêu cầu tối thiểu theo quy định; riêng khối 7,8,9 chưa phát.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục (223), số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn (7121), sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Năm 2019 Trường THCS Thị trấn Tân Hiệp được Sở GD&ĐT Kiên Giang công nhận trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, chuẩn quốc gia mức độ 2.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Năm 2024 Trường THCS Thị trấn đăng kí đánh giá ngoài để công nhận lại Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Đã nộp hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài về Sở GD&ĐT, đang chờ đoàn về kiểm tra, khảo sát để công nhận.

3.4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018

a) Tên chương trình: Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

b) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục: Sở giáo dục và đào tạo Kiên Giang

4. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

4.1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục

- Tổ chức tuyển sinh đúng Quy chế, đảm bảo chính xác, công khai, công bằng, tạo thuận lợi cho học sinh (HS) và cha mẹ HS; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở nhà trường; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục.

- Thực hiện công khai kế hoạch tuyển sinh, đảm bảo đúng hướng dẫn công tác tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh và trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

Chỉ tiêu tuyển sinh

Năm học 2024 - 2025, chỉ tiêu tuyển sinh của trường 280 học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học trên địa bàn theo kế hoạch của Phòng GD-ĐT. Số lớp dự trù là 7 lớp.

Tuyển tuyển sinh

Tuyển trường tuyển sinh là học sinh hoàn thành chương trình tiểu học tại Trường tiểu học thị trấn Tân Hiệp I; Trường tiểu học thị trấn Tân Hiệp II; một phần HS thuộc ấp Tân Phú, Tân An, Khu phố Đông An.

Đối tượng

- Học sinh có hộ khẩu thường trú tại địa bàn tuyển sinh.
 - Đã hoàn thành chương trình tiểu học.
 - Độ tuổi xét tuyển: trẻ từ 11-13 tuổi (năm sinh 2011-2013 thuộc khu vực tuyển sinh của nhà trường.

Hồ sơ xét tuyển

- Đơn xin dự xét tuyển (được in ra từ phần mềm).
 - Bản sao giấy khai sinh hợp lệ.
 - Học bạ bản chính hoàn thành chương trình tiểu học.
 - Giấy tờ chính sách, ưu tiên (nếu có).

Thời gian nhận hồ sơ

- Thời gian: ngày 03/6/2024 (Buổi sáng: từ 7h30)
- Địa điểm: Số 97, Khu phố B, Thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp.
- Thành phần: Hội đồng tuyển sinh trường THCS thị trấn Tân Hiệp.
- Học sinh chuyển trường trong và ngoài huyện lấy giấy chuyển trường từ trường THCS tiếp nhận hồ sơ. Trường THCS ghi tên học sinh vào sổ chuyển đi của nhà trường. Những trường hợp chuyển trường ngoài huyện phải có giấy xác nhận của Phòng GD&ĐT

- Từ ngày 05/7/2024 nhận và xét hồ sơ bổ sung (Nếu có).

Địa điểm nộp hồ sơ: Tại văn phòng trường THCS thị trấn Tân Hiệp.

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục

b1. Thời gian năm học: Thực hiện 35 tuần

- Học kỳ I: Từ ngày 09/9/2024 đến 11/01/2025 tổng cộng 18 tuần;
- Học kỳ II: Từ ngày 13/1/2025 đến 24/5/2025 tổng cộng 17 tuần.

b2. Chương trình chính khóa

b2.1. Chương trình chính khóa

Thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

Các lớp được bố trí học thể dục 2 tiết cặp và trái buổi trái buổi địa điểm tại trường.

Phân bố các tiết dạy:

Ngữ văn:	4 tiết/ tuần x 35 tuần	= 140 tiết.
Toán học:	4 tiết/ tuần x 35 tuần	= 140 tiết.
Tiếng Anh:	3 tiết/ tuần x 35 tuần	= 105 tiết.
GDCD:	1 tiết/ tuần x 35 tuần	= 35 tiết.
Lịch sử và địa lý:	3 tiết/ tuần x 35 tuần	= 105 tiết.

(Phân công 1 giáo viên môn Lịch sử - Địa lý dạy)

KHTN:	4 tiết/ tuần x 35 tuần	= 140 tiết.
-------	------------------------	-------------

(Phân công dạy riêng theo chủ đề, GV lý dạy phân môn Lý; GV Hoá – Sinh dạy phân môn Hoá – Sinh).

Công nghệ:	1 tiết/ tuần x 35 tuần	= 35 tiết.
Tin học:	1 tiết/ tuần x 35 tuần	= 35 tiết.
GD thể chất:	2 tiết/ tuần x 35 tuần	= 70 tiết.
Nghệ thuật:	2 tiết/ tuần x 35 tuần	= 70 tiết.

(Âm nhạc và Mỹ thuật được phân 2 giáo viên thực hiện đúng chuyên môn).

HĐ trải nghiệm, hướng nghiệp:	3 tiết/ tuần x 35 tuần	= 105 tiết.
-------------------------------	------------------------	-------------

Mỗi môn học đều có phân phối chương trình cụ thể kèm theo.

Mỗi tổ bộ môn đều phải xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ bộ môn, của giáo viên theo hướng dẫn công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

Phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở giáo dục, gia đình: Đảm bảo môi trường học tập và phát triển kinh tế, an toàn cho học sinh; Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, giúp học

sinh phát triển toàn diện năng lực giải quyết vấn đề; Xây dựng mối liên hệ gắn kết, hỗ trợ lẫn nhau giữa nhà, gia đình và cộng đồng trong công việc chăm sóc sức khỏe, giáo dục nhân cách cho học sinh; Gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc phân phối cùng cơ sở giáo dục và xã hội để hỗ trợ quá trình phát triển toàn diện cho học sinh. Trách nhiệm của gia đình bao gồm: Gia đình phải giữ mối liên lạc thường xuyên với nhà trường; Theo dõi và nhắc nhở học sinh học tập; Tạo môi trường học thuận lợi cho HS tham gia các hoạt động chính khoá và ngoại khoá để học tập kiên thức và rèn luyện kỹ năng sống.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục

- Chương trình BD HSG và phụ đạo HS yếu kém nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của trường.

- Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: Các buổi học hoặc hoạt động về giá trị sống như lòng trung thực, sự tôn trọng, tinh thần trách nhiệm và sự kết nối giúp học sinh xây dựng những sản phẩm chất đạo đức tốt đẹp. Qua đó, các em hiểu rõ hơn về giá trị bản thân và thái độ đúng đắn đối với mọi người và xã hội.

4.2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

Thông tin về học sinh, lớp học:

Stt	Khối	Số lớp	Tổng				HS bình quân/lớp	HS học 2 buổi/ngày	HS chuyên trường trong năm	HS tiếp nhận trong năm	HS bỏ học	HS khuyết tật
			Tổng số HS	Nữ	Dân tộc thiểu số							
					Tổng	Nữ						
1	6	7	293	137	4	2	42	0	5	4	1	0
2	7	7	277	151	9	6	40	0	3	1	2	0
3	8	6	230	107	2	1	38	0	4	2	2	0
4	9	8	293	147	2	1	37	0	2	1	1	0

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

Về xếp loại học lực:

Các tiêu thức	Giỏi	Khá	TB (Đạt)	Yếu (Chưa đạt)	Kém (Chưa đạt)	Không xếp loại và sai số	Số HS được lên lớp	Số HS lưu ban	Ghi chú
Khối 6	82	78	118	10			6	4	
Khối 7	78	105	84	4			3	1	

Khối 8	63	51	103	5			3	2	
Khối 9	136	118	36	1				1	
Tổng	159	352	241	20			11	8	

Về xếp loại hạnh kiểm:

Các tiêu thức	Tốt	Khá	TB (Đạt)	Yếu (Chưa đạt)	Không xếp loại và sai số	Ghi chú
Khối 6	266	22				
Khối 7	263	8				
Khối 8	211	11				
Khối 9	287	4				
Tổng	1027	45				

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình 291
- Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp 290
- Số học sinh trúng tuyển vào THPT, cơ sở giáo dục nghề nghiệp là 241

4.3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài).

- Trường không có HS tham gia chương trình giáo dục của nước ngoài.

Trên đây là một số hoạt động chủ yếu của trường THCS Thị trấn Tân Hiệp năm học 2024-2025./.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nơi nhận:

- P. Hiệu trưởng;
- Các tổ chuyên môn;
- Lưu: VT.

Đỗ Đăng Đình Điệp